

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia  
ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ số**

## **CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 4 năm 2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH**

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã xác định chuyển đổi số là một trong những định hướng hàng đầu để phát triển đất nước; dữ liệu là yếu tố cốt lõi, là tài nguyên quan trọng để chuyển đổi số. Trên quy mô quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia là nền tảng phát triển chính phủ số, từ đó tạo cơ sở phát triển kinh tế số, xã hội số.

Với bối cảnh trên, các bộ, ngành, địa phương đã và đang tích cực triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và bước đầu phát huy hiệu quả. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được xây dựng và vận hành; Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được ban hành nhằm quy tụ, hợp nhất các nguồn dữ liệu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng; Bộ Công an đã tích cực triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sẵn sàng kết nối, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước trong năm 2021.

Tuy nhiên, tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia còn chậm và chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Nếu không phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, sẽ tạo nút thắt, điểm nghẽn không thể vượt qua trong phát triển chính phủ số, chuyển đổi số.

Nguyên nhân chủ yếu của những vấn đề trên là thiếu tầm nhìn tổng thể về phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia; thiếu nhất quán về vị trí, vai trò của cơ sở dữ liệu quốc gia; thiếu cơ chế tài chính và đầu tư phù hợp để xây dựng, vận hành cũng như duy trì, cập nhật các cơ sở dữ liệu quốc gia; thiếu các yếu tố kích lệ trong chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và cho người dân, doanh nghiệp.

Để khắc phục các hạn chế trên, phát huy kinh nghiệm triển khai trong thời gian qua; từng bước củng cố và thiết lập nền tảng dữ liệu vững chắc cho chuyển đổi số, phát triển chính phủ số; việc xây dựng và thực thi Nghị quyết của Chính phủ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ số là yêu cầu bức thiết.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia thống nhất trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau:

1. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia là tài sản quốc gia, được sử dụng chung cho các cơ quan nhà nước và toàn xã hội; là nền tảng phát triển chính phủ số, kiến tạo phát triển kinh tế số và xã hội số.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia phải đi trước một bước, tạo nền tảng phát triển hệ sinh thái ứng dụng trong chính phủ số.

3. Phát huy tối đa giá trị dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội. Liên kết, quy tụ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu là yếu tố then chốt để tăng giá trị dữ liệu, tạo ra thông tin mới từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Cơ sở dữ liệu quốc gia được quản lý theo chính sách thống nhất, chặt chẽ để đảm bảo bảo giá trị pháp lý và chất lượng dữ liệu. Mỗi cơ sở dữ liệu quốc gia được giao cho một cơ quan cấp bộ quản lý, vận hành (cơ quan chủ quản). Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện quản lý và thực thi các chính sách chung đối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Cơ sở dữ liệu quốc gia là cơ sở dữ liệu chứa dữ liệu chủ. Các cơ sở dữ liệu quốc gia không được chồng lấn dữ liệu chủ. Mỗi trường dữ liệu của dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia chỉ được thu thập, cập nhật duy nhất từ một nguồn dữ liệu gắn với hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm tính kịp thời, chính xác, phản ánh đầy đủ sự biến đổi theo thời gian. Dữ liệu chủ phải được khai thác, sử dụng rộng khắp tại các bộ, ngành, địa phương. Dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương là các dữ liệu nhánh, mở rộng từ cơ sở dữ liệu quốc gia, phải được tham chiếu thống nhất tới dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được quyền sử dụng, khai thác dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia trừ trường hợp việc khai thác dữ liệu vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân, quy định về bản quyền tác giả và các quy định khác của pháp luật nêu rõ không cho phép khai thác; hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định việc khai thác có ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

7. Triển khai, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia phải tuân thủ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

8. Kinh phí xây dựng, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia được ưu tiên bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước để triển khai sớm, triển khai trước. Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia là đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Cho phép xây dựng các cơ chế phù hợp để thu phí khai thác dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia để có nguồn lực xây dựng, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp lý, quy định kỹ thuật và tổ chức hoạch định tổng thể tài nguyên dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia**

a) Rà soát, đề xuất xây dựng mới hoặc sửa đổi Nghị định của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia. Trong đó quy định cụ thể về dữ liệu chủ, phạm vi cơ sở dữ liệu quốc gia tới mức từng trường dữ liệu; quyền khai thác, sử dụng dữ liệu. Trước hết, khẩn trương xây dựng Nghị định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định về Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, Nghị định về Cơ sở quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Xây dựng và ban hành Kiến trúc tổng thể dữ liệu quốc gia, trong đó xác định các thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập, hoạch định dữ liệu chủ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, mối quan hệ ràng buộc giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Xây dựng, cập nhật Kiến trúc dữ liệu thuộc Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ, ngành, Kiến trúc Chính quyền điện tử của địa phương để thể hiện rõ mối quan hệ tham chiếu thống nhất giữa dữ liệu của các thực thể được quản lý trong bộ, ngành, địa phương với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Xây dựng quy chuẩn quốc gia, quy định kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu của dữ liệu chủ trao đổi giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

đ) Xây dựng Đề án tổ chức, sắp xếp cơ sở dữ liệu quốc gia của cơ quan cấp bộ, khi bộ được giao triển khai nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia, nhằm hướng tới mỗi cơ quan cấp bộ chỉ có một cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm việc quản lý dữ liệu tinh gọn, hiệu quả, có thứ bậc và có tính liên kết cao.

## **2. Xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật và đảm bảo chất lượng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia.**

a) Khẩn trương hoàn thiện xây dựng, đưa vào khai thác rộng khắp, hiệu quả ngay các cơ sở dữ liệu quốc gia cốt lõi, tạo nền tảng phát triển chính phủ số, trước hết là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

b) Xây dựng và thực thi các quy trình nghiệp vụ về quản trị dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia, quy trình thực hiện các biện pháp kiểm soát, kiểm kê, duy trì, đảm bảo chất lượng dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia; quy trình quản lý, vận hành hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia; quy trình nghiệp vụ cập nhật, giám sát cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia; quy trình xử lý, giám sát các yêu cầu kết nối, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Cập nhật dữ liệu kịp thời vào cơ sở dữ liệu quốc gia ngay khi hoàn thành các thủ tục hành chính, nghiệp vụ hành chính làm phát sinh thay đổi dữ liệu. Cơ quan cung cấp dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia chịu trách nhiệm về độ chính xác, tính toàn vẹn của dữ liệu cung cấp.

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm việc tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia.

đ) Tổ chức bộ máy và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia; chỉ định cán bộ làm đầu mối phụ trách về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia theo Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP để đóng vai trò quản trị dữ liệu.

## **3. Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia gắn với cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị nhà nước dựa trên công nghệ hiện đại, lấy dữ liệu làm trung tâm phát triển chính phủ số**

a) Xây dựng nền tảng hợp nhất và phân tích dữ liệu quốc gia. Tích tụ, liên kết dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương vào nền tảng hợp nhất và phân tích dữ liệu quốc gia để xử lý dữ liệu đa chiều, liên ngành, liên lĩnh vực; giám sát, cảnh báo về chất lượng dữ liệu, cung cấp thông tin tổng thể phục vụ điều hành cho Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và các bộ, ngành, địa phương.

b) Triển khai Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu làm nền tảng thực hiện các giao dịch chia sẻ dữ liệu trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước. Triển khai các thủ tục đề nghị chia sẻ, xử lý đề nghị việc chia sẻ dữ liệu trực tuyến hoàn toàn trên môi trường mạng.

c) Xây dựng, chuẩn hóa và đăng tải dịch vụ chia sẻ dữ liệu, tiếp nhận và xử lý các yêu cầu khai thác dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

d) Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để kết nối dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia tới các hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước.

đ) Cung cấp dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia trên Cổng dữ liệu quốc gia để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác.

e) Xây dựng và tổ chức cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phù hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm khả năng sẵn sàng và thực hiện kết nối, khai thác hiệu quả dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, không thu thập lặp lại dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

g) Nghiên cứu xây dựng Đề án tổng thể cải cách các hoạt động hành chính, nâng cao năng lực quản trị, chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước các cấp trên cơ sở khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia.

#### **4. Đảm bảo nguồn lực phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia**

a) Ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thu phí phù hợp khi khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia để tạo động lực chia sẻ dữ liệu, nguồn lực duy trì, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Bố trí đủ kinh phí thường xuyên cho hoạt động thu thập thông tin, đào tạo sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Nghiên cứu triển khai áp dụng phương thức đối tác công tư khi thu thập, xây dựng dữ liệu, xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm quyền sở hữu dữ liệu thuộc Chính phủ.

### **IV. DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA**

Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia được ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ số tại Phụ lục của Nghị quyết này.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia**

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại các điểm a, d, đ (nếu đã được giao chủ quản từ 02 cơ sở dữ liệu quốc gia trở lên) Mục 1, điểm a, b, c, d, đ Mục 2, điểm c, d, đ Mục 3, điểm d Mục 4 Phần III Nghị quyết.

b) Rà soát cơ sở dữ liệu quốc gia và phân tách rõ cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành. Đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia không đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu cơ sở dữ liệu quốc gia, đề xuất Chính phủ đưa ra khỏi danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyển thành các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành.

c) Xây dựng báo cáo định kỳ hàng năm về việc xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại các điểm b Mục 1, điểm d Mục 2, điểm a, b, d, đ, g Mục 3 Phần III Nghị quyết.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan triển khai công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng đối với cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai thẩm định và giám sát triển khai cấp độ an toàn thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chủ quản xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia. Hàng năm, xây dựng dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia và đề xuất các giải pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia. Đề xuất cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia đáp ứng nhu cầu phát triển.

d) Tiếp nhận, xử lý, điều phối các yêu cầu chia sẻ dữ liệu và tổ chức chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

đ) Hướng dẫn việc thi hành pháp luật liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia.

## 3. Bộ Tài chính

a) Thực thi trách nhiệm cơ quan chủ quản của cơ sở dữ liệu quốc gia được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại các điểm b, c Mục 4 Phần III Nghị quyết.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng và quyết toán kinh phí của các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

## 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Thực thi trách nhiệm cơ quan chủ quản của cơ sở dữ liệu quốc gia được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm a Mục 4 Phần III Nghị quyết.

9. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm c Mục 1, điểm c Mục 2, điểm e Mục 3 Phần III Nghị quyết.

10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

11. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT ( ).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

## Phụ lục

**DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA ƯU TIÊN TRIỂN KHAI  
TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)*

TT	Nhóm thực thể	Thực thể nghiệp vụ cốt lõi, độc lập (Làm cơ sở xây dựng dữ liệu chủ/dữ liệu gốc của CSDLQG)	Cơ sở dữ liệu quốc gia	Mục tiêu chính	Yêu cầu	Cơ quan chủ quản	Thời gian hoàn thiện
1	Con người	Công dân	Dân cư	Thiết lập cơ sở dữ liệu gốc về người dân phục vụ quản lý nhà nước	Chia sẻ dữ liệu cho các bộ, ngành, địa phương phục vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp	Bộ Công an	7/2021
		Đối tượng hưởng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm	Nhà nước quản lý thống nhất và đảm bảo quyền lợi được bảo hiểm của công dân	Đối tượng bảo hiểm phải tham chiếu đến dữ liệu gốc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2021
		Cán bộ, công chức, viên chức	Cán bộ công chức, viên chức	Quản lý thống nhất thông tin về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước	Dữ liệu cơ bản của cán bộ được tham chiếu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bộ Nội vụ	2021
2	Doanh nghiệp, tổ chức	Doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Thiết lập dữ liệu gốc về doanh nghiệp, làm cơ sở đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp	Định hướng xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm quản lý các loại hình tổ chức kinh tế bao gồm: các loại hình doanh nghiệp được thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã; các tổ chức kinh tế thành lập theo Luật Đầu tư và doanh nghiệp nhà nước.	Bộ Kế hoạch và đầu tư	



3	Tài chính và đầu tư	Đối tượng nộp thuế	Tài chính	Quản lý thông tin cơ bản nhất về năng lực tài chính quốc gia; các nguồn thu từ thuế của công dân, doanh nghiệp		Bộ Tài Chính	
		Dự án đầu tư	Đầu tư	Cung cấp thông tin thông suốt, tập trung về dự án, đầu tư trên toàn quốc; Minh mạch, tối ưu hoạt động đầu tư.	- Tái tổ chức cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư, đầu thầu và đầu tư công thành một cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư; - Các dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành còn lại được chuyển thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ.	Bộ kế hoạch và đầu tư	
		Hàng hóa, dịch vụ và giá của hàng hóa, dịch vụ.	Giá	Cung cấp thông tin để vận hành nền kinh tế		Bộ Tài chính	
		Đối tượng tài sản nhà nước được quản lý	Tài sản công	Kiểm soát tập trung tài sản nhà nước minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật		Bộ Tài chính	
4	Tài nguyên	Thửa đất	CSDL đất đai quốc gia	Thiết lập dữ liệu gốc về đất đai cung cấp cho các bộ, ngành, địa phương để quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai.	- Dữ liệu được trích chọn, từ các cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương - Cập nhật kịp thời từ các thủ tục hành chính, giao dịch trong lĩnh vực đất đai hoặc các hoạt động làm biến động dữ liệu đất đai khác. - Đối tượng sử dụng đất là công dân tham chiếu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Đối tượng sử dụng đất là tổ chức phải tham chiếu sang dữ liệu gốc doanh nghiệp, tổ chức.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021
		Đối tượng tài nguyên và môi trường	Tài nguyên và môi trường quốc gia	Tạo nền tảng dữ liệu không gian hợp nhất về tài nguyên và môi trường, cung cấp dịch vụ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số.	Trích chọn các dữ liệu chủ của các thực thể nghiệp vụ cốt lõi độc lập từ các cơ sở dữ liệu: nền địa lý quốc gia; môi trường quốc gia; biển và hải đảo quốc gia; địa	Bộ Tài nguyên và Môi trường	

					chất và khoáng sản; khí trọng thủy văn; biến đổi khí hậu; tài nguyên nước; viễn thám; quan trắc tài nguyên và môi trường.		
5	Quy hoạch và xây dựng	Lớp quy hoạch	Quy hoạch	<p>Thống nhất thông tin quy hoạch. Minh bạch hóa các thông tin quy hoạch cho người dân, doanh nghiệp</p> <p>Tạo nền tảng cho thực hiện các hoạt động quy hoạch của các bộ, ngành, địa phương</p>	Tham chiếu về không gian với Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
		Đối tượng quản lý xây dựng	Xây dựng	<p>Công khai minh bạch thông tin của các đối tượng xây dựng (<i>Tổ chức hoạt động xây dựng</i> <i>Chứng chỉ về xây dựng; Giấy phép về xây dựng; Công trình xây dựng; ...</i>).</p> <p>Đơn giản hóa thủ tục hành chính về xây dựng và hỗ trợ thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động xây dựng trên toàn quốc</p>	Phải tham chiếu đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia và các cơ sở dữ liệu liên quan.	Bộ Xây dựng	
6	Khoa học và công nghệ	Phát minh, sáng kiến khoa học công nghệ	Khoa học và công nghệ	Quản lý thống nhất nguồn tri thức khoa học công nghệ để chia sẻ, dùng chung, phát huy giá trị tri thức	Cá nhân là tác giả của phát minh, sáng kiến phải tham chiếu sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bộ Khoa học và Công nghệ	